

**Unit 7: Pronunciation (trang 13)**

**1. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Look at the stress patterns of the sets of words below and practise saying them correctly. (Nhìn vào các mẫu trọng âm của các từ bên dưới và thực hành nói cho đúng)

in'crease (v) 'increase (n)

de'crease (v) 'decrease (n)

per'fect (v) 'perfect (adj)

pre'sent (v) 'present (adj - n)

re'bel (v) 'rebel (n)

con'trast (v) 'contrast (n)

re'cord (v) 'record (n)

**2. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the sentences and decide what stress pattern the words in bold have. (Đọc các câu và quyết định kiểu trọng âm những từ in đậm có)

1. 'increase      2. per'fect; 'perfect      3. re'bel; 'rebels

4. pre'sent; 'present      5. re'cord

**Unit 7: Vocabulary and Grammar (trang 13)**

**1. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Find 12 words or phrases related to weddings in the word square. (Tìm 12 từ hoặc cụm từ liên quan đến đám cưới trong ô vuông)

Reception      Bridesmaid

Wedding      Speech

Ceremony      Marriage

Bestman      Couple

Anniversary Guest

Honeymoon Groom

**2. (trang 14 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Complete the questions about weddings in your culture with the correct form of the words in 1. Then answer these questions or ask another student. (Hoàn thành câu hỏi về đám cưới trong văn hoá của bạn bằng đúng hình thức của từ trong 1. Sau đó trả lời những câu hỏi này hoặc hỏi một học sinh khác)

1. ceremony    2. reception    3. best man
4. bridesmaids    5. guests    6. honeymoon

**3. (trang 14 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Study the table about three countries on another planet. Write three sentences with the comparative and three sentences with the superlative forms of the adjectives given. (Nghiên cứu bảng về ba quốc gia trên một hành tinh khác. Viết ba câu với các câu so sánh hơn và ba câu với các dạng so sánh nhất của các tính từ được đưa ra)

Sentences with comparative forms:

1. Fantasy is bigger than Wonderland/ Dreamland is smaller than Wonderland.
2. Fantasy's population is larger than Dreamland's/ Wonderland's population is smaller than Fantasy's.
3. Wonderland has longer life expectancy than Fantasy, and Fantasy has longer life expectancy than Dreamland. / Dreamland is a country with shorter life expectancy than Fantasy, and Fantasy is a country with shorter life expectancy than Wonderland.

Sentences with superlative forms:

1. Fantasy is the biggest country.
2. Dreamland has the smallest population.
3. Wonderland is the country with the longest life expectancy.

**4. (trang 14 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the superlative form of the adjectives given. (Hoàn thành câu thứ hai để nó có một ý nghĩa tương tự với câu đầu tiên, sử dụng hình thức so sánh nhất của các tính từ đưa ra)

1. Mount Everest is the highest mountain in the world.
2. The Pacific is the deepest ocean in the world.
3. Many people believe that the Red Sea is the warmest sea in the world.
4. The Nile is the longest river in the world.
5. Russia is the biggest country in the world.

**5. (trang 15 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Underline the mistakes with articles in the following sentences about superstitions around the world. Write the correct one (a/an, the, or  $\phi$ ) in the space provided. (Gạch chân lỗi với mạo từ trong các câu sau đây về các mê tín dị đoan trên khắp thế giới. Viết đúng (a / an, the, or  $\phi$ ) vào khoảng trống đã cung cấp)

1. In Thailand, if a woman sings in a kitchen, she will marry a very old man.

→ the

2. In the Brazil, if you eat lentils on 151 January, you will make a lot of money during the year.

→  $\phi$

3. In Korea, if a man smiles a lot during his wedding, his first child won't be the boy, it will be the girl.

→ a – a

4. In United Kingdom, if a cat washes behind its ears, it will rain.

→ the United Kingdom

5. In Turkey, if you see a spider in your house, you will have the visitors.

→  $\phi$

6. In Venezuela, if you give someone a handkerchief as a gift, you won't have the good relationship with that person.

→ a

**Hướng dẫn dịch:**

1. Ở Thái Lan, nếu một phụ nữ hát trong bếp, cô ấy sẽ lấy một người đàn ông già.
2. Ở Brazil, nếu bạn ăn đậu lăng vào ngày 1 tháng 1, bạn sẽ kiếm được nhiều tiền trong năm đó.
3. Ở Hàn Quốc, nếu một người đàn ông cười quá nhiều trong đám cưới của anh ta, con đầu lòng của anh ta sẽ không thể là một cậu bé, đó sẽ là một cô bé.
4. Ở Anh, nếu một con mèo rửa sau tai, trời sẽ mưa.
5. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, nếu bạn thấy một con nhện trong nhà, bạn sắp có những vị khách.
6. Ở Venezuela, nếu bạn tặng ai đó một chiếc khăn tay, bạn sẽ không có mối quan hệ tốt với người đó.

**6. (trang 15 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Complete the sentences with a, an or the, or tick (✓) them if they are correct without an article. (Hoàn thành các câu với a, a hoặc, hoặc đánh dấu (✓) nếu chúng là chính xác khi ko có mạo từ)

1. ✓ 2. a; a
3. ✓ 4. the
5. ✓ 6. the
7. ✓ 8. a; the

**Hướng dẫn dịch:**

1. Người Anh đến sống ở ở Bắc Mỹ hơn 400 năm trước được gọi là Pilgrims.
2. Những người muốn bắt đầu một cuộc sống mới ở một đất nước mới, nhưng họ đối mặt với rất nhiều khó khăn vì họ không biết gì về vùng đất mới này.
3. Người Pilgrim không biết nuôi trồng thức ăn hay xây dựng nhà, nên rất nhiều trong số họ trở nên ốm yếu.

4. Trong một ngày mùa xuân, người Pilgrim gặp 2 người Mỹ bản địa, Squanto và Samoset, người có thể nói tiếng Anh.
5. Squanto và Somoset trở thành bạn với người Pligrim và cho họ rất nhiều lời khuyên về việc nuôi trồng thức ăn và xây nhà để giúp cuộc sống của họ dễ dàng hơn.
6. Năm đó, mọi thứ trở nên tốt hơn rất nhiều với người Pligrim, nhờ có sự giúp đỡ của Squanto và Samoset.
7. Họ có thức ăn và nhà cửa ấm áp cho mùa đông, nên họ muốn nói lời cảm ơn với những người bạn Mỹ bản địa của mình.
8. Họ mời những người bạn và gia đình họ đến một bữa ăn đặc biệt. Đó là bữa tối lễ Tạ ơn đầu tiên với gà tây, cá, đậu xanh và súp.

### **Unit 7: Reading (trang 16)**

**1. (trang 16 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read a text about common wedding rituals in the USA and answer the questions that follow. (Đọc một văn bản về các nghi lễ cưới phổ biến ở Hoa Kỳ và trả lời những câu hỏi sau)

1. D 2. A 3. B 4. C 5. C

### **Hướng dẫn dịch:**

Những nghi thức lễ cưới thông thường ở Mỹ

Là một đất nước với nhiều sắc tộc văn hóa khác nhau, có nhiều sự khác nhau trong phong cách làm lễ cưới ở Mỹ. Tuy vậy, phần lớn lễ cưới hiện nay vẫn theo một số truyền thống. Một trong những truyền thống có nguồn gốc từ thế kỉ 19 là về việc cô dâu nên mặc gì vào ngày cưới. Người ta tin rằng trong ngày cưới, cô dâu nên mang theo mình “một thứ đã cũ, một thứ còn mới, một thứ đi mượn và một thứ màu xanh”. Đó là bởi vì mỗi thứ này có một ý nghĩa đặc biệt với cô dâu trong ngày trọng đại.

Khi cô dâu mặc “thứ gì đó đã cũ”, nó nhắc nhở cô về gia đình mình và quá khứ. Vì vậy, một số cô dâu có thể mặc váy cưới hoặc một thứ trang sức của mẹ mình.

“Thứ gì đó còn mới” mà cô dâu mặc mang ý nghĩa may mắn và hi vọng cho một tương lai hạnh phúc với chồng của cô. Đồ mới thường là đôi giày mới, hoặc nó có thể là váy cưới mới hoặc thứ gì khác.

Khi cô dâu mặc “thứ gì đó đi mượn”, nó tượng trưng cho sự giúp đỡ và hỗ trợ mà cô nhận được từ người bạn và gia đình khi cô cần. Một ví dụ của “thứ đi mượn” có thể là một miếng khăn voan của một người bạn đã lập gia đình hoặc khăn tay của một người bạn.

“Thứ gì đó màu xanh” mang ý nghĩa sự tin tưởng và niềm tin giữa cô dâu và chú rể. Ngày nay, một số cô dâu rất sáng tạo với đồ vật này. Ví dụ, họ có thể sơn móng tay màu xanh. Không những thế, đồ vật màu xanh được các cô dâu sử dụng phổ biến nhất là nịt tất đi dưới chân.

Mọi thứ đều đang thay đổi nhanh chóng; tuy nhiên, những truyền thống về việc cô dâu nên mặc gì vào ngày cưới vẫn được gìn giữ nghiêm ngặt bởi rất nhiều phụ nữ ở Mỹ.

**2. (trang 17 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read a text about Chinese zodiac signs and answer the questions that follow. (Đọc một văn bản về các cung hoàng đạo của Trung Quốc và trả lời những câu hỏi bên dưới)

1. They are generous, charming, and creative.
2. They make good surgeons and hairdressers.
3. They are clever, skillful, and flexible.
4. They are deep thinkers, independent, and adventurous.
5. They both use animals as symbols.

### **Hướng dẫn dịch:**

Các con giáp là các con vật khác nhau tượng trưng cho từng năm. Nhiều người tin rằng có thể tìm ra tính cách của một người dựa vào con giáp của người đó.

Ví dụ: Chuột là những người sinh năm 1972, 1985, 1996, 2008... Họ được tin là những người hào phóng, duyên dáng và sáng tạo. Công việc phù hợp với họ là nhà văn và nhà phê bình.

Trâu là người sinh năm 1973, 1985, 1997, 2009... Những người này rất cảnh giác, là người lãnh đạo mạnh mẽ và có đôi bàn tay khéo léo. Trong các nghề nghiệp, họ phù hợp làm bác sĩ phẫu thuật hoặc thợ cắt tóc.

Khỉ là những người sinh năm 1968, 1980, 1992, 2004... Những người này thông minh, kỹ năng tốt và linh hoạt. Về nghề nghiệp, họ sẽ là những nhà khoa học hoặc nhà ngân hàng giỏi.

Gà là những người sinh năm 1969, 1981, 1993, 2005... Người tuổi gà được miêu tả là những người biết suy nghĩ, độc lập và ưa thích phiêu lưu. Họ có thể trở thành chủ nhà hàng hoặc diễn viên.

Các con giáp được sử dụng ở các nước mà theo lịch sử có nhiều sự giao thoa với Trung Quốc, như Việt Nam, Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhiều nền văn hóa phương Tây dùng các biểu tượng chiêm tinh của Hy Lạp thay vì các con giáp. Tuy vậy, các con giáp và các biểu tượng Hy Lạp có nhiều điểm tương đồng. Ví dụ, chúng đều dùng các con vật làm biểu tượng.

### ***Unit 7: Speaking (trang 18)***

**1. (trang 18 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Work in groups / pairs. Discuss the questions. (Làm việc theo nhóm / cặp. Thảo luận các câu hỏi)

#### **Gợi ý:**

1. Yes, I do because I'm curious about what my horoscope says about my characteristics.

2. Because it is true to some extent and people always want to know something about the future.

**2. (trang 18 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Look at the star signs below. Which one is yours? Find other students in your class who were born under the same star sign as you. Do you have anything in common? (Tìm cung của bạn: Nhìn vào cung hoàng đạo dưới đây. Cái nào là của bạn? Tìm các bạn khác trong lớp của bạn, những người được sinh ra dưới chòm sao giống như bạn. Các bạn có điểm gì chung?)

**3. (trang 18 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read about your star sign personality. What do you think about the description? Work with the students born under the same star and compare yourself with others. Share with the whole class. (Đọc về cá tính chòm sao của bạn. Bạn nghĩ gì về mô tả này? Làm việc với các bạn sinh ra dưới cùng một chòm sao và so sánh mình với người khác. Chia sẻ với cả lớp)

**Gợi ý:**

Aquarius people (born from 20th January to 18th February) are creative and independent, and prefer the freedom to do their own thing, instead of organized or planned work. They are friendly and make a lot of friends, and are always ready to help someone in need.

→ The description is true about myself.

**Unit 7: Writing (trang 19)**

**1. (trang 19 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Use the prompts given to write questions about marriage customs in Viet Nam. Then write your answers in the space provided. (Sử dụng các hướng dẫn để viết câu hỏi về các phong tục hôn nhân tại Việt Nam. Sau đó viết câu trả lời của bạn vào khoảng trống được cung cấp)

**Đáp án:**

1. How old are people usually when they get married?
2. Is there an engagement period? How long is it?
3. Where is the wedding ceremony usually held?
4. What happens during the ceremony?
5. What do the bride and groom usually wear?
6. Is there a reception after the ceremony?
7. What type of food is served at the reception?
8. What kinds of gifts do people usually give?
9. Where do couples like to go on their honeymoon?
10. How long is the honeymoon?

**2. (trang 20 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Write a paragraph (of approximately 150-180 words) about marriage customs in Viet Nam, using your answers to the questions in 1. (Viết một đoạn văn (khoảng 150-180 từ) về các phong tục hôn nhân tại Việt Nam, sử dụng câu trả lời cho các câu hỏi trong 1)



**Gợi ý:**

There are some traditional rituals in Viet Nam's wedding. A traditional Vietnamese wedding goes through 3 stages: before the wedding, during the wedding ceremony and after the wedding. The first stage begins with the event of the groom's family and he coming to the bride's home to have a talk with the bride's parents about their marriage. On their arrival, they bring things to give to the bride's family as gifts, these things usually include betel, areca and some valuable things. After the bride's parents accepting the marriage of the couple, the wedding ceremony will soon take place. The wedding ceremony is held in both the groom's and the bride's home. In the ceremony, food and drinks are provided for the guests coming to give the couple best wishes about their future marital life. The guests usually give the couple money or presents. After the wedding, the couple can go on a honeymoon holiday in a place of their interest.